

Số: 37/QĐ-NV

Biên Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa.

Căn cứ nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 13835/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 cho Phòng Nội vụ;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa (theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban Lãnh đạo, bộ phận tài chính và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - kế hoạch;
- Như điều 3;
- Lưu: VT; Kế toán.

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thanh Nhã

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: PHÒNG NỘI VỤ

Chương: 635



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 37/QĐ-NV ngày 29/12/2021 của Phòng Nội vụ)

Dvt: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.382.000.000
I	Nguồn ngân sách nhà nước	17.382.000.000
1	Chi quản lý hành chính	15.067.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.449.000.000
1.1.1	Thanh toán cá nhân	1.409.000.000
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	1.409.000.000
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	1.040.000.000
	- Kinh phí hoạt động	936.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	104.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.618.000.000
1.2.1	Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo	485.000.000
	- Kinh phí hoạt động	436.500.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	48.500.000
1.2.2	Kinh phí cải cách hành chính	1.300.000.000
	- Kinh phí hoạt động	1.170.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	130.000.000
1.2.3	Kinh phí phục vụ công tác QLNN về văn thư lưu trữ thành phố	4.567.000.000
	- Kinh phí hoạt động	4.110.300.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	456.700.000
1.2.5	Kinh phí thi tuyển công chức cấp xã	706.000.000
	- Kinh phí hoạt động	635.400.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	70.600.000
1.2.6	Kinh phí khen thưởng	5.500.000.000
	- Kinh phí hoạt động	4.950.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	550.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1.2.7	Kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính	60.000.000
	- Kinh phí hoạt động	54.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	6.000.000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	2.315.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.315.000.000
	- Kinh phí hoạt động	2.083.500.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	231.500.000